

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BẮC GIANG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2024/DS-ST

Ngày: 21-08-2024

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thụ
2. Bà Nguyễn Thị Yên

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ Thị Thùy Linh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Bình- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 08 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 172/2023/TLST-HĐVTs ngày 22 tháng 12 năm 2023 về: Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2024/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 06 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 51/2024/QĐST-DS ngày 08 tháng 07 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 66/2024/QĐST-DS ngày 08 tháng 08 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đặng Bá T, sinh năm 1999; vắng mặt
Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 2000; vắng mặt

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang

2. *Bi đơn*: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1988; vắng mặt

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã L, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang

Nơi ở hiện nay: Thôn Ngọc M, xã Đ, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1987; vắng mặt

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã L, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang

Nơi ở hiện nay: Thôn Ngọc M, xã Đ, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Đặng Bá T, chị Nguyễn Thị M đều trình bày: Giữa vợ cHng anh chị với vợ cHng anh Nguyễn Văn Đ, chị Nguyễn Thị Y không có quan hệ họ hàng gì, chỉ là quan hệ xã hội. Ngày 11/09/2022, vợ cHng anh chị có cho anh Nguyễn Văn Đ vay số tiền là 30.000.000 đồng; ngày 13/09/2022, vợ cHng anh chị tiếp tục cho anh Nguyễn Văn Đ vay 15.000.000 đồng; ngày 14/09/2022 vợ cHng anh chị cho anh Nguyễn Văn Đ vay tiếp số tiền là 13.000.000 đồng. Mục đích anh Đ để phát triển kinh tế riêng. Vì là chỗ quen biết đã lâu, anh Đ vay nóng nên các bên không lập giấy biên nhận vay tiền, thỏa thuận miệng là đến ngày 17/09/2022, anh Đ sẽ trả đầy đủ số tiền đã vay, không tính lãi suất. Đến ngày trả nợ, anh Đ không trả, vợ cHng anh chị đã nhiều lần đến nhà anh Đ nhưng không gặp được anh Đ, gọi điện thoại thì anh Đ không nghe máy. Ngày 27/02/2023, vợ cHng anh chị đã đến nhà gặp được anh Đ, yêu cầu anh Đ trả nợ nhưng anh Đ nói là chưa có khả năng trả ngay. Do vợ cHng anh chị phải đi miền Nam làm ăn nên đã yêu cầu anh Đ viết giấy xác nhận nợ. Ngày 27/02/2023, anh Đ đã viết giấy xác nhận nợ với nội dung anh Đ còn nợ vợ cHng anh chị 58.000.000 đồng; thời hạn trả là ngày 27/05/2023, không thỏa thuận lãi suất. Đến ngày 29/06/2023, anh Đ đến nhà bố vợ anh trả cho vợ cHng anh được 14.500.000 đồng, sau đó gọi điện thoại thông báo lại cho vợ cHng anh chị biết. Ngày 05/09/2023, anh Đ trả thêm vợ cHng anh chị số tiền là 12.000.000 đồng. Từ đó đến nay, anh Đ chưa trả thêm vợ cHng anh đồng tiền gốc nào nữa, mặc dù vợ cHng anh chị đã đòi rất nhiều lần. Việc vay tiền giữa vợ cHng anh chị với anh Nguyễn Văn Đ không liên quan gì đến người khác, nên vợ cHng anh chị yêu cầu anh Nguyễn Văn Đ phải trả số tiền gốc còn nợ là 31.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày: Giữa anh với vợ cHng anh Đặng Bá T, chị Nguyễn Thị M là chỗ quan hệ xã hội. Do cần tiền để làm ăn, cuối năm 2022, anh có vay của vợ cHng anh T số tiền là 50.000.000 đồng, mấy ngày sau anh lại vay thêm 8.000.000 đồng. Tổng số tiền anh vay của vợ cHng anh T là 58.000.000 đồng. Vì là chỗ quen biết nên các bên không lập hợp đồng vay tiền, lãi suất thỏa thuận miệng là 3.000 đồng/triệu/ngày. Tiền lãi anh đã trả đủ đến tháng 02/2023, sau đó do làm ăn kinh tế khó khăn nên anh không trả được tiền lãi nữa. Ngày 27/02/2023, do vợ cHng anh T đi miền Nam làm ăn nên yêu cầu anh viết giấy xác nhận nợ, nên các bên đã viết giấy xác nhận nợ với nội dung anh còn nợ vợ cHng anh T 58.000.000 đồng. Ngày 27/05/2023, do vợ cHng chị M đang ở trong Sài Gòn nên anh đã đến nhà bố mẹ để chị M trả vợ cHng anh T được 14.500.000 đồng, rồi anh thông báo lại cho vợ cHng anh T qua điện thoại. Tháng 10/2023, anh trả được vợ cHng anh T 12.000.000 đồng. Nay anh còn nợ anh T chị M số tiền là 31.500.000 đồng tiền gốc. Do hoàn cảnh kinh tế của anh đang khó khăn nên anh xin được trả dần vợ cHng anh T số tiền trên, còn tiền lãi anh không có khả năng trả được. Việc vay

mượn tiền giữa anh với vợ cHng anh T không liên quan gì đến vợ anh là chị Nguyễn Thị Y nên anh đề nghị Tòa án không đưa chị Y vào tham gia tố tụng trong vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, chị Nguyễn Thị Y trình bày: Chị là vợ của anh Nguyễn Văn Đ. Giữa cHng chị và vợ cHng anh T, chị M cho nhau vay mượn tiền như thế nào chị không biết. Anh Đ chưa bao giờ nói với chị về việc này. Đây là khoản nợ riêng của anh Đ, không liên quan đến chị, chị đề nghị Tòa án không đưa chị vào tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán tiến hành tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đặng Bá T, chị Nguyễn Thị M. Buộc anh Nguyễn Văn Đ phải trả số tiền gốc còn nợ là 31.500.000 đồng.

- Về án phí: Hoàn trả chị Nguyễn Thị M số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Anh Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong H sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xử vụ án.

[1.2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Đặng Bá T, chị Nguyễn Thị M yêu cầu anh Nguyễn Văn Đ phải trả số tiền còn nợ theo giấy vay tiền ngày 27/02/2023. Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, gọi chung là tranh chấp hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn cư trú tại huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Do có mối quan hệ quen biết, từ ngày 11/09/2022 đến 14/09/2022, vợ cHng anh Đặng Bá T, chị Nguyễn Thị M có cho anh Nguyễn Văn Đ vay 03 lần với tổng số tiền là 58.000.000 đồng, không tính lãi suất. Mục đích anh Đ vay để giải quyết công việc cá nhân. Khi vay các bên không lập văn bản, thỏa thuận miệng thời

hạn vay đến ngày 17/09/2022. Đến hạn trả nợ, vợ chồng anh T, chị M đã đi đòi nhiều lần nhưng anh Đ không trả. Ngày 27/02/2023, các bên đã lập giấy vay tiền với nội dung anh Đ còn nợ vợ chồng anh T, chị M số tiền là 58.000.000 đồng, thời hạn trả là ngày 27/05/2023. Ngày 29/06/2023, anh Đ trả được vợ chồng anh T, chị M 14.500.000 đồng, ngày 05/09/2023, anh Đ trả tiếp được 12.000.000 đồng. Tổng số tiền anh Đ đã trả vợ chồng anh T, chị M là 26.500.000 đồng. Số tiền gốc anh Đ còn nợ vợ chồng anh T, chị M là 31.500.000 đồng.

Xét hợp đồng vay tài sản giữa vợ chồng anh Đặng Bá T, chị Nguyễn Thị M với anh Nguyễn Văn Đ là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên làm phát sinh hiệu lực, buộc các bên phải thực hiện. Khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định: *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”*. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của vợ chồng anh Đặng Bá T, chị Nguyễn Thị M là có căn cứ, được chấp nhận.

Các bên đương sự đều xác nhận việc vay mượn tiền giữa vợ chồng anh Đặng Bá T, chị Nguyễn Thị M với anh Nguyễn Văn Đ không liên quan gì đến chị Nguyễn Thị Y vợ anh Đ nên buộc anh Nguyễn Văn Đ phải trả cho vợ chồng anh Đặng Bá T, chị Nguyễn Thị M tổng số tiền gốc đã vay còn nợ là 31.500.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 27/02/2023.

[2.2] Về tiền lãi: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, yêu cầu khởi kiện của vợ chồng anh Đặng Bá T, chị Nguyễn Thị M được chấp nhận nên anh Nguyễn Văn Đ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Hoàn trả vợ chồng anh Đặng Bá T, chị Nguyễn Thị M số tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị M đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đặng Bá T, chị Nguyễn Thị M: Buộc anh Nguyễn Văn Đ phải trả vợ chồng anh Đặng Bá T, chị Nguyễn Thị M số tiền gốc đã vay còn nợ là 31.500.000 đồng (Ba mươi một triệu năm trăm nghìn đồng) theo giấy vay tiền ngày 27/02/2023.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người bị thi hành án không trả số tiền trên, thì hàng tháng còn phải trả số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Hoàn trả vợ chồng anh Đặng Bá T, chị Nguyễn Thị M 790.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang theo biên lai thu số: 0007992 ngày 18/12/2023. Anh Nguyễn Văn Đ phải phải chịu 1.575.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự vắng mặt biết, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- VKSND tỉnh;
- Chi cục THADS huyện.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Huân